

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST.

Ngày: 23/9/2022.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Minh Tr, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Ng, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Nh, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Hòa Đặng, xã Ng, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2022, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Minh Tr trình bày: Từ ngày 29/7/2018 đến ngày 07/7/2018 Trần Văn Nh có mua hàng hóa của ông Trịnh Minh Tr là thuốc thú y thủy sản với tổng số tiền

là 48.089.000 đồng (trong đó số tiền ông Nh mua hàng cho riêng ông Nh còn nợ là 41.113.000 đồng. Còn số tiền 6.976.000 đồng là tổng số tiền nợ ông Nh mua hộ cho ông Phạm Quốc H và ông Trần Thanh Th và ông Nh ký nhận nợ tại hóa đơn ngày 15/5/2018, trong đó cụ thể: ông Nh đứng ra trực tiếp mua hộ cho ông Phạm Quốc H 01 thùng thuốc nhãn hiệu Glu vào ngày 08/3/2018 với số tiền 5.610.000 đồng và ông Nh trực tiếp mua hộ cho ông Trần Thanh Th 01 thùng men vi sinh, 01 can mật rỉ đường vào ngày 06/5/2018 với số tiền 1.366.000 đồng). Khi mua ông Nh nói sẽ chịu trách nhiệm thu tiền của ông H và ông Th để giao trả cho ông Tr. Nhưng sau đó ông Tr không thấy ông Nh trả tiền mua thuốc thú y và thủy sản nêu trên. Ông Tr có gặp ông Th và ông H thu nợ thì hai người này nói là đã đưa tiền cho ông Nh rồi. Ông Tr có đến gặp ông Nh nhiều lần để yêu cầu thanh toán tiền mua thuốc thú y thủy sản cho ông, nhưng ông Nh vẫn không thanh toán, đồng thời ông Nh cũng thừa nhận ông Th và ông H đã gửi tiền mua hàng cho ông Nh rồi, ông Nh xác nhận với ông Tr là đã thu tiền của ông Th và ông H nhưng ông Nh đã tiêu xài hết. Đến ngày 29/8/2018 thì ông Nh mua nợ thêm số tiền 1.216.000 đồng và có ký nhận nợ vào hóa đơn bán lẻ cho ông Tr với tổng các khoản nợ mua thuốc thủy sản là 48.089.000 đồng. Ông Nh hứa sẽ thanh toán cho ông Tr, nhưng sau đó không thanh toán.

Nay ông Trịnh Minh Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn Nh thanh toán cho ông tổng số tiền 48.089.000 đồng (trong đó bao gồm 41.113.000 đồng tiền nợ mua hàng hóa của ông Nh và tiền nợ mà ông Nh mua hàng hộ cho ông Trần Thanh Th 1.366.000 đồng và ông Phạm Quốc H 5.610.000 đồng), không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

- *Đối với bị đơn ông Trần Văn Nh:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 43/TB-TLVA ngày 16/5/2022 cho bị đơn biết và Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng bị đơn ông Trần Văn Nh không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án, không đến tham gia phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Trần Văn Nh còn chưa chấp hành các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Trần Văn Nh vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ

Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Minh Tr về việc yêu cầu ông Trần Văn Nh phải trả số tiền nợ mua thức ăn thủy sản. Buộc ông Trần Văn Nh có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Minh Tr số tiền 48.089.000 đồng (trong đó bao gồm 41.113.000 đồng tiền nợ mua hàng hóa của ông Nh và tiền nợ mà ông Nh mua hộ cho ông Trần Thanh Th 1.366.000 đồng và ông Phạm Quốc H 5.610.000 đồng) và đề nghị tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bị đơn ông Trần Văn Nh đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Nh vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn nêu trên.

Về nội dung:

[2] Nguyên đơn ông Trịnh Minh Tr là chủ hộ kinh doanh Minh Trạch có bán thuốc thủy sản cho ông Trần Văn Nh và ông Nh ký nhận nợ mua thuốc thủy sản tại các hóa đơn bán lẻ ngày 15/5/2018 số tiền 19.619.000 đồng (trong đó: phần ông Nh nợ 12.643.000 đồng; ông Nh trực tiếp mua hộ cho ông Phạm Quốc H vào ngày 08/3/2018 với số tiền 5.610.000 đồng và ông Nh trực tiếp mua hộ cho ông Trần Thanh Th với số tiền 1.366.000 đồng), đối với tiền nợ mà ông Nh mua hộ thuốc thủy sản cho ông Trần Thanh Th 1.366.000 đồng và ông Phạm Quốc H 5.610.000 đồng thì ông H và ông Th đã giao đủ tiền cho ông Nh để ông Nh thanh toán nợ mua thuốc thủy sản cho ông Tr, ông Nh xác nhận với ông Tr là đã thu tiền của ông H và ông Th, nhưng ông Nh đã tiêu xài cá nhân hết các khoản tiền này mà không trả nợ cho ông Tr. Ông Nh có tiếp tục mua và ký nhận nợ hóa đơn ngày 28/5/2018 số tiền 8.484.000 đồng; ngày 14/6/2018 ông Nh mua và ký nhận nợ 12.754.000 đồng và hóa đơn ngày 03/7/2018 ông Nh mua và ký nhận nợ 6.016.000 đồng. Đến ngày 29/8/2018 thì ông Nh mua nợ thêm số tiền 1.216.000 đồng và ký nhận tổng số nợ mua thuốc thủy sản nêu trên là 48.089.000 đồng (từ BL số 07 đến BL số 11). Ông Tr đã nhiều lần yêu cầu ông Nh thanh toán nợ nhưng ông Nh vẫn không thanh toán. Nay ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Văn Nh trả cho ông Tr số tiền nợ mua thuốc thủy sản tổng số tiền là 48.089.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

[3] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán, các bên thực hiện việc mua bán và giao kết với nhau trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng mua bán trên được pháp luật bảo vệ. Ông Trịnh Minh Tr đã thực hiện nghĩa vụ là bán và chuyển giao tài sản là thuốc thủy sản cho bên mua là ông Trần Văn Nh. Ông Nh đã nhận đủ tài sản do ông Tr chuyển giao nêu trên để phục vụ việc

nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông Nh không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Tr theo thỏa thuận. Từ ngày 29/8/2018 đến nay, ông Nh còn nợ của ông Tr số tiền mua thuốc thủy sản nuôi tôm là 48.089.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Trịnh Minh Tr yêu cầu ông Nh trả số tiền nợ 48.089.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Xét thấy, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh Minh Tr được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông Trần Văn Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Minh Tr về việc yêu cầu ông Trần Văn Nh trả số tiền 48.089.000 đồng.

[2] Buộc ông Trần Văn Nh phải có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Minh Tr tổng số tiền 48.089.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Trịnh Minh Tr không yêu cầu tính lãi, nên không đặt ra xem xét.

[4] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trịnh Minh Tr có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Trần Văn Nh chậm trả số tiền nêu trên cho ông Trịnh Minh Tr, thì ông Nh phải trả lãi đối với số tiền trả chậm cho ông Trịnh Minh Tr, với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.404.450 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Trịnh Minh Tr được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.202.225 đồng theo biên lai thu số 0009942 ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện M;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ